

Số: 1890 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 06 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung Đề án thực hiện Chính sách đặc thù hỗ trợ
phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi
giai đoạn 2017 – 2020 trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn Cứ Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2017 – 2020;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-UBND ngày 22/5/2017 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2017 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 3475/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án thực hiện Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 – 2020;

Xét đề nghị của Ban Dân tộc tại Tờ trình số 314/TTr-BDT ngày 27/5/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án “Thực hiện Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 – 2020”, cụ thể như sau:

A. PHÂN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

I. HỖ TRỢ ĐẤT Ở

1. Huyện Vân Canh

1.1. Đề án đã được phê duyệt

- Số hộ có nhu cầu hỗ trợ: 372 hộ (86 hộ người Kinh nghèo, 286 hộ DTTS nghèo);

- Diện tích hỗ trợ: 11,22 ha.

1.2. Điều chỉnh, bổ sung

- Số hộ có nhu cầu hỗ trợ: 485 hộ (112 hộ người Kinh nghèo, 373 hộ DTTS nghèo);

- Diện tích hỗ trợ: 12,42 ha.

2. Huyện Vĩnh Thạnh

2.1. Đề án đã được phê duyệt

- Số hộ có nhu cầu hỗ trợ: 148 hộ (108 hộ người Kinh nghèo, 40 hộ DTTS nghèo);

- Diện tích hỗ trợ: 4,32 ha.

2.2. Điều chỉnh, bổ sung

- Số hộ có nhu cầu hỗ trợ: 484 hộ (347 hộ người Kinh nghèo, 137 hộ DTTS nghèo);

- Diện tích hỗ trợ: 10,65 ha.

3. Huyện Hoài Ân

3.1. Đề án đã được phê duyệt

- Số hộ có nhu cầu hỗ trợ: 61 hộ người Kinh nghèo;

- Diện tích hỗ trợ: 1,84 ha.

3.2. Điều chỉnh, bổ sung

- Số hộ có nhu cầu hỗ trợ: 74 hộ (57 hộ người Kinh nghèo, 17 hộ DTTS nghèo);

- Diện tích hỗ trợ: 1,88 ha.

(Kèm theo Phụ lục 01)

4. Các huyện: An Lão, Tây Sơn, Phù Cát, Phù Mỹ và Hoài Nhơn giữ nguyên như Đề án đã phê duyệt.

5. Về kinh phí: Các huyện tự cân đối kinh phí hỗ trợ đất ở cho các hộ.

B. PHÂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

I. HỖ TRỢ TRỰC TIẾP ĐẤT SẢN XUẤT

1. Huyện An Lão

1.1. Đề án đã được phê duyệt

- Số hộ có nhu cầu hỗ trợ: 115 hộ;

- Diện tích hỗ trợ: 115 ha;

- Nhu cầu vốn: 0 đồng.

1.2. Điều chỉnh, bổ sung

- Số hộ có nhu cầu hỗ trợ: 20 hộ;

- Diện tích hỗ trợ: 1,93 ha;
- Nhu cầu vốn: 28,95 triệu đồng.

2. Huyện Vĩnh Thạnh

2.1. Đề án đã được phê duyệt

- Số hộ có nhu cầu hỗ trợ: 283 hộ;
- Diện tích hỗ trợ: 141,5 ha;
- Nhu cầu vốn: 4.245 triệu đồng.

2.2. Điều chỉnh, bổ sung

- Số hộ có nhu cầu hỗ trợ: 1.267 hộ;
- Diện tích hỗ trợ: 736,841 ha;
- Nhu cầu vốn: 19.005 triệu đồng.

3. Các huyện: Vân Canh, Hoài Ân, Tây Sơn, Phù Cát, Phù Mỹ và Hoài Nhơn giữ nguyên như Đề án đã phê duyệt.

II. HỖ TRỢ CHUYỂN ĐỔI NGHỀ

1. Huyện An Lão

1.1. Đề án đã được phê duyệt

- Số hộ có nhu cầu hỗ trợ: 2.171 hộ;
- Nhu cầu vốn hỗ trợ: 10.855 triệu đồng;
- Nhu cầu vốn vay: 39.947 triệu đồng.

1.2. Điều chỉnh, bổ sung

- Số hộ có nhu cầu hỗ trợ: 802 hộ;
- Nhu cầu vốn hỗ trợ: 4.010 triệu đồng;
- Nhu cầu vốn vay: 15.999 triệu đồng.

2. Huyện Vân Canh

2.1. Đề án đã được phê duyệt

- Số hộ có nhu cầu hỗ trợ: 1.132 hộ (378 hộ người Kinh nghèo; 754 hộ DTTS nghèo);
- Nhu cầu vốn hỗ trợ: 5.660 triệu đồng;
- Nhu cầu vốn vay: 56.600 triệu đồng.

2.2. Điều chỉnh, bổ sung

- Số hộ có nhu cầu hỗ trợ: 1.667 hộ (1.086 hộ người Kinh nghèo, 581 hộ DTTS nghèo);
- Nhu cầu vốn hỗ trợ: 8.335 triệu đồng;

- Nhu cầu vốn vay: 80.730 triệu đồng.

3. Huyện Vĩnh Thạnh

3.1. Đề án đã được phê duyệt

- Số hộ có nhu cầu hỗ trợ: 1.021 hộ;
- Nhu cầu vốn hỗ trợ: 5.105 triệu đồng;
- Nhu cầu vốn vay: 27.200 triệu đồng.

3.2. Điều chỉnh, bổ sung

- Số hộ có nhu cầu hỗ trợ: 453 hộ;
- Nhu cầu vốn hỗ trợ: 2.265 triệu đồng;
- Nhu cầu vốn vay: 22.650 triệu đồng.

4. Huyện Hoài Ân

4.1. Đề án đã được phê duyệt

- Số hộ có nhu cầu hỗ trợ: 510 hộ;
- Nhu cầu vốn hỗ trợ: 2.550 triệu đồng.

4.2. Điều chỉnh, bổ sung

- Số hộ có nhu cầu hỗ trợ: 756 hộ;
- Nhu cầu vốn hỗ trợ: 3.830 triệu đồng.

(Kèm theo Phụ lục 02)

5. Các huyện: Tây Sơn, Phù Cát, Phù Mỹ và Hoài Nhơn giữ nguyên như Đề án đã phê duyệt.

III. HỖ TRỢ NƯỚC SINH HOẠT PHÂN TÁN

1. Huyện An Lão

1.1. Đề án đã được phê duyệt

- Số hộ có nhu cầu hỗ trợ: 879 hộ (560 hộ người Kinh nghèo, 319 hộ DTTS nghèo);
- Nhu cầu vốn hỗ trợ: 1.318,5 triệu đồng.

1.2. Điều chỉnh, bổ sung

- Số hộ có nhu cầu hỗ trợ: 436 hộ (356 hộ người Kinh nghèo, 80 hộ DTTS nghèo);
- Nhu cầu vốn hỗ trợ: 654 triệu đồng.

(Kèm theo Phụ lục 03)

2. Các huyện: Vĩnh Thạnh, Vân Canh, Hoài Ân, Tây Sơn, Phù Cát, Phù Mỹ và Hoài Nhơn giữ nguyên như Đề án đã phê duyệt.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3475/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng ban Dân tộc, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện Vĩnh Thành, Văn Canh, Hoài Ân, Tây Sơn, Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *Mr*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP VX;
- Lưu VT, K1. *tr*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
ĐẠI KIỂU CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Châu



BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH NHU CẦU HỖ TRỢ ĐẤT Ở THEO ĐỀ ÁN 2085 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
Số định số: 4890 /QĐ-UBND ngày 06 /6/2019 của UBND tỉnh

Đơn vị tính: triệu đồng

		Theo Đề án 2085 đã được phê duyệt						Điều chỉnh, bổ sung							
TT	Tên đơn vị	Tổng số hộ có nhu cầu hỗ trợ đất ở	Trong đó		Nhu cầu đất ở		Tổng số hộ có nhu cầu hỗ trợ đất ở	Trong đó		Nhu cầu đất ở		Ghi chú			
			Kinh	DTTS (Bana, H're, Chăm ...)	Diện tích (ha)	Kinh phí		Kinh	DTTS (Bana, H're, Chăm ...)	Diện tích (ha)	Kinh phí				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13			
1	Huyện Vân Canh	372	86	286	11,22	744	485	112	373	12,42	744				
2	Huyện Vĩnh Thạnh	148	108	40	4,32	296	484	347	137	10,65	296				
3	Huyện Hoài Ân	61	61	0	1,84	122	74	57	17	1,88	122				

Handwritten signature

1997, 1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 2181, 2182, 2183, 2184, 2185, 2186, 2187, 2188, 2189, 2190, 2191, 2192, 2193, 2194, 2195, 2196, 2197, 2198, 2199, 2200, 2201, 2202, 2203, 2204, 2205, 2206, 2207, 2208, 2209, 2210, 2211, 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218, 2219, 2220, 2221, 2222, 2223, 2224, 2225, 2226, 2227, 2228, 2229, 2230, 2231, 2232, 2233, 2234, 2235, 2236, 2237, 2238, 2239, 2240, 2241, 2242, 2243, 2244, 2245, 2246, 2247, 2248, 2249, 2250, 2251, 2252, 2253, 2254, 2255, 2256, 2257, 2258, 2259, 2260, 2261, 2262, 2263, 2264, 2265, 2266, 2267, 2268, 2269, 2270, 2271, 2272, 2273, 2274, 2275, 2276, 2277, 2278, 2279, 2280, 2281, 2282, 2283, 2284, 2285, 2286, 2287, 2288, 2289, 2290, 2291, 2292, 2293, 2294, 2295, 2296, 2297, 2298, 2299, 2300, 2301, 2302, 2303, 2304, 2305, 2306, 2307, 2308, 2309, 2310, 2311, 2312, 2313, 2314, 2315, 2316, 2317, 2318, 2319, 2320, 2321, 2322, 2323, 2324, 2325, 2326, 2327, 2328, 2329, 2330, 2331, 2332, 2333, 2334, 2335, 2336, 2337, 2338, 2339, 2340, 2341, 2342, 2343, 2344, 2345, 2346, 2347, 2348, 2349, 2350, 2351, 2352, 2353, 2354, 2355, 2356, 2357, 2358, 2359, 2360, 2361, 2362, 2363, 2364, 2365, 2366, 2367, 2368, 2369, 2370, 2371, 2372, 2373, 2374, 2375, 2376, 2377, 2378, 2379, 2380, 2381, 2382, 2383, 2384, 2385, 2386, 2387, 2388, 2389, 2390, 2391, 2392, 2393, 2394, 2395, 2396, 2397, 2398, 2399, 2400, 2401, 2402, 2403, 2404, 2405, 2406, 2407, 2408, 2409, 2410, 2411, 2412, 2413, 2414, 2415, 2416, 2417, 2418, 2419, 2420, 2421, 2422, 2423, 2424, 2425, 2426, 2427, 2428, 2429, 2430, 2431, 2432, 2433, 2434, 2435, 2436, 2437, 2438, 2439, 2440, 2441, 2442, 2443, 2444, 2445, 2446, 2447, 2448, 2449, 2450, 2451, 2452, 2453, 2454, 2455, 2456, 2457, 2458, 2459, 2460, 2461, 2462, 2463, 2464, 2465, 2466, 2467, 2468, 2469, 2470, 2471, 2472, 2473, 2474, 2475, 2476, 2477, 2478, 2479, 2480, 2481, 2482, 2483, 2484, 2485, 2486, 2487, 2488, 2489, 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498, 2499, 2500, 2501, 2502, 2503, 2504, 2505, 2506, 2507, 2508, 2509, 2510, 2511, 2512, 2513, 2514, 2515, 2516, 2517, 2518, 2519, 2520, 2521, 2522, 2523, 2524, 2525, 2526, 2527, 2528, 2529, 2530, 2531, 2532, 2533, 2534, 2535, 2536, 2537, 2538, 2539, 2540, 2541, 2542, 2543, 2544, 2545, 2546, 2547, 2548, 2549, 2550, 2551, 2552, 2553, 2554, 2555, 2556, 2557, 2558, 2559, 2560, 2561, 2562, 2563, 2564, 2565, 2566, 2567, 2568, 2569, 2570, 2571, 2572, 2573, 2574, 2575, 2576, 2577, 2578, 2579, 2580, 2581, 2582, 2583, 2584, 2585, 2586, 2587, 2588, 2589, 2590, 2591, 2592, 2593, 2594, 2595, 2596, 2597, 2598, 2599, 2600, 2601, 2602, 2603, 2604, 2605, 2606, 2607, 2608, 2609, 2610, 2611, 2612, 2613, 2614, 2615, 2616, 2617, 2618, 2619, 2620, 2621, 2622, 2623, 2624, 2625, 2626, 2627, 2628, 2629, 2630, 2631, 2632, 2633, 2634, 2635, 2636, 2637, 2638, 2639, 2640, 2641, 2642, 2643, 2644, 2645, 2646, 2647, 2648, 2649, 2650, 2651, 2652, 2653, 2654, 2655, 2656, 2657, 2658, 2659, 2660, 2661, 2662, 2663, 2664, 2665, 2666, 2667, 2668, 2669, 2670, 2671, 2672, 2673, 2674, 2675, 2676, 2677, 2678, 26

Đơn vị tính: triệu đồng

Điều chỉnh, bổ sung

Theo Đề án 2085 đã được phê duyệt										Điều chỉnh, bổ sung										Ghi chú			
Tên đơn vị	Tổng số hộ có nhu cầu hỗ trợ đất sản xuất	Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất					Hỗ trợ chuyển đổi nghề					Tổng số hộ có nhu cầu hỗ trợ đất sản xuất	Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất					Hỗ trợ chuyển đổi nghề					
		Trong đó																					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
1	An Lão	2.286	1.874	412	115	115	-	-	2.171	10.855	39.947	822			20	1,93	28,95	0	802	4.010	15.999		
2	Vinh Thanh	1.304	904	400	283	141,5	4.245	11.200	1.021	5.105	27.200	1.720	1.719	1	1.267	736,841	19.005	11.200	453	2.265	22.650		
3	Vân Canh	1.132	378	754					1.132	5.660	56.600	1.667							1.667	8.335	80.730		
4	Hoài Ân	510	510	-					510	2.550	2.850	756	735	21					756	3.830	2.850		

2m

3



Phụ lục 03

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH NHU CẦU HỖ TRỢ NƯỚC SINH HOẠT THEO ĐỀ ÁN 2085 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số: 1890 /QĐ-UBND ngày 06/6/2019 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Theo Đề án 2085 đã được phê duyệt				Điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú
		Tổng số hộ có nhu cầu hỗ trợ nước sinh hoạt	Trong đó		Nhu cầu vốn từ NSTW	Tổng số hộ có nhu cầu hỗ trợ nước sinh hoạt	Trong đó		Nhu cầu vốn từ NSTW	
			Kinh	DTTS (Bana, H'rê, Chăm ...)			Kinh	DTTS (Bana, H'rê, Chăm ...)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Huyện An Lão	879	560	319	1.318,5	436	356	80	654	

Zmr

